

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 248/2024/DS-PT
Ngày: 27/03/2024
V/v Tranh chấp về đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán:
1. Bà Vũ Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 03 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLPT-DS ngày 16/01/2024 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 474/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản” của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 929/2024/QĐ-PT ngày 26/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3072/2024/QĐ-PT ngày 14/3/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Hồng V**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ G, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Lầu A, số A N, Khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 001208 Quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/3/2023 tại Văn phòng C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Luật sư Nguyễn Thành T - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. **Bị đơn:** Ông **Trần Quang P**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số E đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H1 (có mặt) (theo Giấy ủy quyền số 002064 quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 06/3/2024 do Văn phòng C1 chứng thực); ông Lê Bảo Hà Đ hoặc/và bà Trương Thị H2 (vắng mặt) (theo Giấy ủy quyền số 006827 quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 14/10/2023 do Văn phòng C2 chứng thực)

Địa chỉ: Số B đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Lê Ánh T1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Chung cư C, số A T, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số E đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Quang P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng V do ông Nguyễn Huy H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Phạm Thị Hồng V và ông Trần Quang P quen biết nhau từ đầu năm 2021 và phát sinh tình cảm nam nữ. Hai bên sống chung như vợ chồng từ đầu năm 2022 đến tháng 02 năm 2023. Trong thời gian quen biết, ông P đã nhiều lần mượn tiền bà V với tổng số tiền là 700.000.000 đồng, đã trả được 30.000.000 đồng và còn nợ lại 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng). Cụ thể như sau: Ngày 18/7/2022, ông P mượn số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để bảo dưỡng xe. Ngày 29/8/2022, ông P mượn số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng để mua xe ô tô Xpander Cross mang biển số 51K – 21342. Ngày 05/11/2022, giữa bà V và ông P đã tiến hành lập Văn bản xác nhận nợ, theo nội dung của văn bản này, ông P đã xác nhận có mượn của bà V tổng cộng số tiền là 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng vào khoảng thời gian như đã nêu trên. Hai bên không thỏa thuận lãi và ông P cam kết sẽ trả lại đầy đủ số tiền trên trước ngày 31/12/2022 và ông P có thể chấp chiếc xe ô tô Xpander Cross mang biển số 51K – 21342, giao toàn bộ giấy tờ xe bản chính cho bà V giữ. Tuy nhiên, hiện tại xe và bản chính giấy tờ vẫn do ông P giữ. Dấu vân tay trong “Văn bản xác nhận nợ” ngày 05/11/2022 là dấu vân tay của 02 ngón trỏ trái và trỏ phải của ông P do ông P tự nguyện lăn. Bà V yêu cầu ông P ký và viết tên nhưng ông P không đồng ý vì cho rằng dấu vân tay là chính xác và sẽ không bị thay đổi nên bà không yêu cầu ông P viết vào thêm. Hết thời hạn thanh toán nhưng ông P không trả tiền cho bà V nên ngày 16/3/2023, bà V khởi kiện ông Trần Quang P đến Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu ông P trả lại cho bà V một lần toàn bộ số tiền 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Quang P trình bày: Vào đầu năm 2022, ông và bà Phạm Thị Hồng V có kết bạn qua Facebook. Đến tháng 3/2022, ông và bà V chính thức cặp bồ và sống với nhau như vợ chồng. Thời gian này, ông có phát sinh tình cảm thật sự với bà V – một phần do thương cảm hoàn cảnh bà V một mình nuôi 3 con, chồng mất và là giáo viên mầm non nên ông thường xuyên qua lại mặc dù ông đang có vợ. Thu nhập việc lái xe hàng tháng ông đều đưa cho bà V giữ, thời gian này ông bảo vợ ông là bà Trần Thị Q doanh thu không đủ chi phí nên không đưa tiền về cho bà Q. Ông xác nhận không có việc mượn 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng như bà V trình bày. Ông khẳng định là ông có đủ trình độ, biết viết chữ và có đầy đủ năng lực, hành vi dân sự để xác nhận bằng chữ ký và chữ viết đối với tất cả các giao dịch mà ông xác lập. Vì vậy, chứng cứ bà V cung cấp là giả mạo. Bà V đã nhiều lần lợi dụng lúc ông say rượu để dùng vân tay của ông mở điện thoại để tìm thông tin bà Q. Do vậy, việc có 2 dấu vân tay sát góc dưới cùng bên phải trong Văn bản xác nhận nợ chứng tỏ bà V đã dùng thủ đoạn để lập Văn bản xác nhận nợ giả mạo này. Sự việc là vào khoảng tháng 5/2022, ông có ý định đổi xe hơi từ 4 chỗ sang 7 chỗ với mục đích tăng thêm thu nhập để lo cho cả hai gia đình. Ông có ngỏ ý muốn mượn của bà V khoảng 600.000.000 đồng và có hứa sẽ viết giấy nhận nợ nếu bà V không tin. Tuy nhiên, bà V chỉ đưa ông 200.000.000 đồng vào cuối tháng 8/2022 bằng tiền mặt; hàng tháng ông trả góp cho bà V 12.000.000 đồng và ông hứa nếu có nhiều hơn thì trả nhiều hơn và sớm hơn. Vào ngày 26/9/2022, ông có trả cho bà V 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Từ tháng 10/2022 đến hết tháng 01/2023 mỗi tháng ông đều đưa cho bà V 12.000.000 đồng bằng tiền mặt. Bà V có xác nhận khoảng tiền ông đã đưa cho bà Q qua tin nhắn giữa họ. Ông xác nhận không có việc lập giấy xác nhận nợ giữa hai bên, ông không biết và cũng không thừa nhận dấu vân tay trên giấy nhận nợ. Tổng cộng số tiền ông còn nợ bà V cho đến nay là: $200.000.000 - 30.000.000 - 12.000.000 \times 4 \text{ tháng} = 122.000.000$ đồng. Ông chỉ đồng ý trả lại 122.000.000 (một trăm hai mươi hai triệu) đồng cho bà V.

Người làm chứng bà Lê Ánh T1 trình bày: Liên quan đến việc thuê xe ông P vào tháng 11/2022 như sau: Ngày 04/11/2022 bà liên hệ để thuê xe 7 chỗ do ông P lái đi đám cưới tại Lâm Đồng. Lịch trình đã di chuyển: Ngày 05/11/2022, vào lúc 05 giờ sáng đón 2 người tại Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp theo đón thêm 3 người nữa tại địa chỉ số A T, Phường A, Quận T. Xe di chuyển đến ĐaTel - Lâm Đồng để dự đám cưới. Trong ngày 05/11/2022 ông P cùng ăn sáng, trưa, tối và ở chung nhà trọ với gia đình bà. Ngày 06/11/2022, dự đám cưới tại ĐaTel - Lâm Đồng từ 9 giờ sáng, khoảng 14 giờ xe xuất phát từ ĐaTel - Lâm Đồng về lại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong ngày 06/11/2022 ông P cùng ăn sáng, trưa với gia đình bà. Bà T1 cam đoan nội dung khai báo của bà và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Vì lý do công việc nên bà T1 xin vắng mặt tại các phiên tòa liên quan đến vụ án.

Theo bản tự khai ngày 12/3/2024 người làm chứng bà Trần Thị Q trình bày: Bà là vợ ông Trần Quang P. Ngày 14/10/2022, có một người tự xưng tên là V làm quen kết bạn qua Facebook với bà. Tên trên Facebook ghi là Phạm Thị Hồng V chứ thực sự họ tên như thế nào thì bà không rõ. Vì đặc thù công

việc tiếp xúc nhiều với mọi người trên mạng xã hội nên bà cũng đồng ý kết bạn và nói chuyện với bà V. Thông thường bà V sẽ nhắn tin cho bà vào khoảng cuối tuần sau này kết nối với mọi chuyện thì mà hiểu mục đích của bà V là muốn bà biết về sự tồn tại cho bà V và muốn gia đình của bà tan vỡ. Ngày 20/11/2022, thì bà V gọi điện thoại có hình ảnh cho bà quay chiếc xe của chồng bà đang ở sân nhà bà thì thời điểm đó bà mới khẳng định bà V là người thứ ba xen vào cuộc sống của gia đình bà. Quá trình từ khi quen biết trên mạng xã hội đến hiện nay bà chưa gặp mặt bà V. Ngày 17/5/2023, Tòa án nhân dân quận Tân Bình triệu tập chồng bà là ông Trần Quang P đến giải quyết vụ án về đòi tài sản với bà V thì bà mới biết có sự tồn tại của Văn bản xác nhận ngày ngày 05/11/2022 giữa bà Phạm Thị Hồng V và ông Trần Quang P. Ngày 05/11/2022 trùng với ngày bà V hẹn gặp bà ở quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bà không gặp được bà V vì có công việc Công ty. Ngày 05/11/2022 cũng trùng với thời gian ông Trần Quang P đi Đ, Lâm Đồng. Khoảng 04 giờ sáng thì ông P xuất phát đi, chuyến đi này ông P chở khách là gia đình bà T1 đi đám cưới. Ông P đi đến khoảng chiều tối ngày 06/11/2022 mới về đến nhà. Tiền để mua xe bà có đưa cho ông P 400.000.000 đồng vào khoảng giữa tháng 8/2022, trong đó 200.000.000 đồng là mượn tiền mặt của 01 người em ruột của bà là bà Trần Thị M và 01 người em ruột của ông P là bà Trần Thị Lê T2; số tiền 200.000.000 đồng còn lại là tiền tiết kiệm và bán vàng của vợ chồng bà. Số tiền còn lại để mua xe là do ông P gom chứ bà không biết nguồn tiền từ đâu. Việc bà V có cho chồng bà ông P mượn tiền hay không bà không biết nhưng theo Văn bản xác nhận nợ ghi là toàn bộ số tiền đó để mua xe là không đúng. Bà cam kết những nội dung trình bày trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 474/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng V: Buộc bị đơn ông Trần Quang P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Hồng V số tiền 670.000.000 đồng. Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần toàn bộ số tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 30.800.000 (Ba mươi triệu tám trăm nghìn) đồng do ông Trần Quang P phải chịu.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị Hồng V số tiền 15.400.000 (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số AA/2022/0009221 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Trần Quang P kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quang P là người kháng cáo trình bày: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn đề ngày 04/10/2023 và bản trình bày bổ sung đơn kháng cáo ngày 07/3/2024, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền thực tế có mượn của bà V nguyên đơn là 200.000.000 đồng; đã trả nhiều lần và chỉ còn nợ số tiền 122.000.000 đồng chứ không phải số tiền 670.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà V.

Ông P không thừa nhận nội dung Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 do bà V xuất trình. Ông không ký tên hay thực hiện giao dịch theo Văn bản xác nhận nợ. Về dấu vân tay trong Giấy nhận nợ bà V cho là của ông P ông không thừa nhận vì ông không thực hiện việc điểm chỉ trong văn bản này.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Quang P bổ sung chứng cứ gồm:

- Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T3 (thu phí cầu đường) ngày 05, ngày 06/11/2022;

Vi bằng số 59/2024/VB-TPLMN ngày 06/3/2024 do Văn phòng T4 lập trong đó có các tin nhắn qua lại giữa bà V và bà Q chứng minh việc ông P không mượn bà V số tiền 670.000.000 đồng.

Ông P trình bày do tại cấp sơ thẩm ông chưa thu thập được các chứng cứ này nên xin được bổ sung tại cấp phúc thẩm và bổ sung lời khai như sau: Ngày 05/11/2022, ông không có mặt tại địa chỉ Tổ G, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo nội dung Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 do bà V xuất trình. Thời gian này ông nhận hợp đồng chở khách du lịch đến ĐaTel - Lâm Đồng. Ông ở đây trong 02 ngày, đến tối ngày 06/11/2022 mới về nhà ông tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại cấp phúc thẩm ông đề nghị Hội đồng xét xử lấy lời khai bà Trần Thị Q là vợ của ông và bà Lê Ánh T1 là một trong những khách hàng đi trên xe của ông P vào 02 ngày 05/11/2022 và 06/11/2022 để chứng minh lời khai của ông là có căn cứ.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng V do ông Nguyễn Huy H đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trần Quang P phải trả cho bà V một lần toàn bộ số tiền 670.000.000 đồng theo Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bà Trần Thị Q là vợ của ông P, bà V không có yêu cầu cùng phải trả nợ với ông P vì chỉ có cá nhân ông P vay mượn của bà, không liên quan đến bà Q. Bà V xác định bà và ông P ký Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 tại địa chỉ ghi trên Giấy nợ là tỉnh Bình Dương. Số tiền nợ ghi trong Văn bản xác nhận nợ bà đã giao cho ông P trước đó. Bà V khai không thống nhất khi thì bà khai ông P điếm chỉ trước mặt bà lúc 04 giờ sáng ngày 05/11/2022. Hộp mực điếm chỉ bà mua nhiều ngày trước đó. Khi thì bà khai bà mua hộp mực vào lúc 04 giờ sáng để ông P điếm chỉ cùng giờ khi Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 được lập.

Người làm chứng bà Trần Thị Q (vợ ông P) trình bày: Bà là người liên lạc với ông P và bà V trong ngày 05/11/2022 và chứng minh được việc ông P và bà V không gặp gỡ nhau vào cùng ngày đó. Căn cứ chứng minh là các tin nhắn qua lại giữa bà và bà V tại các trang 15 theo vi bằng do Thừa phát lại lập. Theo đó, bà V xác nhận việc ông P trả cho bà V mỗi tháng 12.000.000 đồng x 4 tháng = 48.000.000 đồng. Theo bà đây là số tiền ông P đã trả nợ cho bà V.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Căn cứ Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 giữa bà V và ông P và kết luận giám định của cơ quan Công an Thành phố H đã kết luận dấu lằn tay trên Văn bản xác nhận nợ là của ông Trần Quang P. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo trong thời hạn qui định của pháp luật.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm bị đơn nộp bổ sung chứng cứ. Có cơ sở xác định kháng cáo của bị đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Quang P trả cho bà Phạm Thị Hồng V một lần số tiền 170.000.000 đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 20/9/2023, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bản án sơ thẩm số 474/2023/DS-ST về việc “Tranh chấp về đòi tài sản”. Ngày 04/10/2023, bị đơn ông Trần Quang P kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của đương sự là trong thời hạn qui định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Quang P trả lại số tiền đã mượn theo Văn bản xác nhận nợ ngày ngày 05/11/2022. Bị đơn ông Trần Quang P có địa chỉ cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, có cơ sở xác định đây là vụ án tranh chấp về đòi tài sản và Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền của theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tranh chấp giữa bà V và ông P liên quan đến khoản nợ phát sinh trong trong thời kỳ hôn nhân giữa ông P là bà Trần Thị Q nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu khởi kiện cá nhân ông P, không yêu cầu bà Q trả nợ nên cấp sơ thẩm không đưa bà Trần Thị Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm bà Lê Ánh T1 và bà Trần Thị Q cung cấp lời khai và chứng cứ liên quan đến vụ án này. Tòa án đưa bà T1 và bà Q vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

Tại cấp phúc thẩm, ông Trần Quang P yêu cầu Tòa án đổi chất: Theo bút lục từ 67-69 trong hồ sơ thể hiện cấp sơ thẩm đã tiến hành đổi chất vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm căn cứ tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án và sự có mặt của bà V tại phiên tòa để làm rõ nội dung tranh chấp và có cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang P:

- Theo trình bày của bà V thì ông P và bà có phát sinh quan hệ tình cảm nam nữ và vay mượn tiền nhiều lần. Phía bà V cho rằng ông P nhiều lần mượn nợ của bà, cụ thể: Ngày 18/7/2022, ông P mượn số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để bảo dưỡng xe. Ngày 29/8/2022, ông P mượn số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng để mua xe ô tô Xpander Cross mang biển số 51K – 21342. Những lần mượn tiền không ghi giấy nợ. Ngày 05/11/2022, giữa bà V và ông P lập Văn bản xác nhận nợ, theo nội dung của văn bản này, ông P đã xác nhận có mượn của bà V tổng cộng số tiền là 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi và ông P cam kết sẽ trả lại đầy đủ số tiền trên trước ngày 31/12/2022. Để đảm bảo cho khoản vay ông P thế chấp chiếc xe ô tô Xpander Cross mang biển số 51K – 21342, giao toàn bộ giấy tờ xe bản chính cho bà V giữ. Theo Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 có chữ ký và ghi họ tên của bà V và 02 dấu điểm chỉ vân tay bà V cho rằng của ông P.

- Phía ông P chỉ thừa nhận có mượn của bà V số tiền 200.000.000 đồng nhưng đã thanh toán một phần, hiện chỉ còn nợ 122.000.000 đồng. Ông P cũng cho rằng ông không tự nguyện lẫn tay vào Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2023 mà do bà V dùng thủ đoạn để ép ông thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về giá trị pháp lý của Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2023, không đảm bảo điều kiện có hiệu lực về mặt hình thức và nội dung, bởi lẽ:

[2.1.1] Về hình thức: Căn cứ Kết luận giám định số 8116/KL-KTHS ngày 22/8/2023 của Phòng K - Công an Thành phố H có cơ sở xác định dấu vân tay trên Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2023 là của ông Trần Quang P. Tuy nhiên, tại trang 2 của Văn bản này ghi nhận: *“Để ghi nhận các thỏa thuận và cam kết trong văn bản, các bên đã ký kết văn bản này vào ngày nêu tại phần đầu của văn bản. Bên A (ký và ghi rõ họ tên), Bên B (ký và ghi rõ họ tên)”*. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự quy định điều kiện có hiệu lực của giao dịch Dân sự: *“Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây: a)...b) Chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện...”*. Xem xét Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2023 nhận thấy tại trang 02 Văn bản xác nhận nợ, bà V đã ký và ghi rõ họ tên của bà là thể hiện đầy đủ ý chí của bà. Tuy nhiên, phía ông P không ký tên và không ghi họ tên của ông mà chỉ có điểm chỉ bằng hai dấu vân tay. Tại trang 01 của Văn bản này các bên cũng không ký tên hoặc điểm chỉ là không thực hiện đúng giao kết của các bên và không thể hiện đầy đủ ý chí khi tham gia giao dịch của ông P. Trong Văn bản xác nhận nợ này cũng không có người làm chứng việc ông P tự nguyện điểm chỉ trong văn bản hay xác nhận lý do nào ông P không thể trực tiếp ký tên trong văn bản này.

Theo qui định tại khoản 2, 3 Điều 48 Luật Công chứng năm 2014 quy định việc điểm chỉ chỉ thay thế được chữ ký và được xem là hợp pháp trong một số trường hợp và phải được cơ quan công chứng chứng thực: *“2. Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký... phải ghi rõ việc điểm chỉ đó bằng ngón nào, của bàn tay nào.”* Chiều theo qui định của pháp luật thì việc điểm chỉ chỉ được sử dụng để thay thế cho việc ký tên trong trường hợp ông P không biết ký hoặc do khuyết tật mà không thể tự mình ký tên. Tuy nhiên, thực tế các bên đều xác nhận ông P là người có trình độ văn hoá 12/12, không bị khuyết tật nên việc dùng dấu lẫn tay để thay thế cho chữ ký và chữ viết của ông P là trái qui định của pháp luật.

[2.1.2] Về nội dung: Tại Điều 5 Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2023 có nội dung: *“Bên B đồng ý thế chấp (hoặc cầm cố) tài sản thuộc sở hữu của mình là chiếc xe ô tô Xpander Cross mang biển số 51K- 21342 cho Bên A và giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản này cho Bên A giữ để đảm bảo cho khoản tiền đã mượn là 670.000.000 đồng”*. Xét, thế chấp và cầm cố là hai biện pháp bảo đảm nghĩa vụ khác nhau theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cũng theo quy định tại Điều 58 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, khi điều khiển phương tiện giao thông phải có giấy đăng ký xe. Việc ông P thoả thuận giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu xe

ô tô Xpander Cross hoặc giao xe cho bà V là không phù hợp khách quan và qui định của pháp luật. Trên thực tế, các bên thừa nhận ông P đang giữ xe và toàn bộ giấy tờ sở hữu xe chứ không giao cho bà V theo thỏa thuận của hợp đồng. Việc các bên thỏa thuận về biện pháp đảm bảo không rõ ràng và không thực hiện biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận của Văn bản nên nội dung phần thỏa thuận này không phát sinh hiệu lực để thi hành.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm: Phía ông P cung cấp lời khai và các chứng cứ bổ sung cụ thể: 02 Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T3 (thu phí cầu đường) ngày 05 và ngày 06/11/2022; Biên số xe 51K-21342 đứng tên ông P là chủ sở hữu; Vi bằng số 59/2024/VB-TPLMN ngày 06/3/2024 do Văn phòng T4 lập trong đó có các tin nhắn qua lại giữa bà V và bà Q.

Đại diện ủy quyền của ông P trình bày, ngày 05/11/2022 ông P không có mặt tại địa chỉ Tổ G, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo ghi nhận tại Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 do bà V xuất trình vì ngày này ông chở khách du lịch đến địa chỉ D-Lâm Đồng. Ông P ở đây trong 02 ngày, đến tối ngày 06/11/2022 mới về nhà ông tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất: Ông Phúc trình bày ngày 05/11/2022 không có mặt tại địa chỉ theo ghi nhận tại Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 do bà V xuất trình vì ngày này ông chở khách du lịch đến địa chỉ D- Lâm Đồng. Ông ở đây trong 02 ngày, đến tối ngày 06/11/2022 mới về nhà ông tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu 1K22TEC số 54470356 ngày 06/11/2022 của Công ty TNHH T3 phí tự động VETC (thu phí cầu đường) ngày 06/11/2022 có tên người mua hàng Trần Quang P thu cước đường bộ xe 51K-21342 đi đoạn L, D thời gian giao dịch 06:25:51 ngày 05/11/2022 mã GD 460277122 số tiền 98.000 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu 1K22TEC số 55288594 ngày 06/11/2022 của Công ty TNHH T3 phí tự động VETC (thu phí cầu đường) ngày 06/11/2022 có tên người mua hàng Trần Quang P thu cước đường bộ xe 51K2 1342T đi qua trạm Trảng Bom thời gian giao dịch A:40:02 ngày 06/11/2022 mã GD 462364620 số tiền 22.000 đồng. Theo lời khai xác nhận của người làm chứng là bà T1 thì trong 02 ngày 05 và 06/11/2022 gia đình bà thuê xe do ông P lái đi đến Lâm Đồng, tuyến đường đi phù hợp với hóa đơn thu phí mà ông P xuất trình cho Tòa và phù hợp lời khai bà V tại cấp phúc thẩm. Tuy trong Giấy nhận nợ thỏa thuận ông P giao bà V toàn bộ bản chính Giấy tờ xe ô tô biển số 51K-21342 đứng tên chủ sở hữu của ông P nhưng thực tế ông P vẫn giữ giấy tờ xe để chạy chở hành khách.

Thứ hai: Theo trình bày của bà Trần Thị Q bà xác nhận bà là vợ ông P và là người liên lạc qua điện thoại với ông P và bà V trong ngày 05/11/2022. Bà khẳng định trong ngày 05/11/2022 ông P và bà V không gặp nhau. Xem xét qua nội dung tin nhắn giữa bà V và bà Q thể hiện tại các trang 15 của Vi bằng số 59/2024/VB-TPLMN ngày 06/3/2024 do Văn phòng T4 lập đã xác định sự việc này.

Thứ ba: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V khai không thống nhất việc điểm chỉ của ông P trong Giấy nhận nợ ngày 05/11/2022, cụ thể khi thì bà khai thời gian điểm chỉ lúc 04 giờ sáng ngày 05/11/2022 với hộp mực điểm chỉ bà chuẩn bị sẵn từ trước, khi thì bà khai do ông P không đồng ý điểm chỉ nên bà phải đi mua hộp mực lúc 04 giờ sáng đem về cho ông P. Xét, những lời khai của bà V không thống nhất và không phù hợp tình huống xảy ra vì ông P đã không đồng ý thỏa thuận và ký tên trong Giấy nhận nợ thì cũng không thể thực hiện điểm chỉ theo yêu cầu của bà V. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông P cũng không thừa nhận lời khai này của bà V.

Thứ tư: Bà V khai ngày 25/8/2022 bà rút tiền trong sổ tiết kiệm của bà để đưa số tiền này cho ông P nhưng ngoài lời khai bà V không có chứng cứ chứng minh và ông P không thừa nhận lời khai này.

Từ những phân tích trên, lời khai của ông P phù hợp với chứng cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và chứng cứ mới phía bị đơn bổ sung tại cấp phúc thẩm, thống nhất lời khai của người làm chứng là bà T1 và bà Q. Do đó, có cơ sở xác định ngày 05/11/2022 ông P không có mặt tại địa chỉ Tổ G, Khu phố A, phường H, Thị Xã B, Tỉnh Bình Dương như nội dung Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2022 thể hiện. Lời khai của bà V về thời gian lập Văn bản xác nhận nợ ngày là 05 tháng 11 năm 2022 là không phù hợp tình tiết khách quan của vụ án và không được ông P thừa nhận nên không được xem là chứng cứ. Đồng thời, như phân tích trên Văn bản xác nhận nợ ngày 05/11/2023 có hình thức và nội dung không đúng qui định pháp luật nên không phát sinh hiệu lực.

[2.3] Phía ông P thừa nhận thực tế có mượn của bà V số tiền 200.000.000 đồng nhưng đã thanh toán một phần, hiện chỉ còn nợ 122.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 26 tháng 9 năm 2023, ông chuyển khoản trả cho bà V 30.000.000 đồng theo số tài khoản: 19034269645019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 (T5). Sau đó, ông đã trả bằng tiền mặt cho bà V 04 lần mỗi lần 12.000.000 đồng là 48.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả cho bà V là 78.000.000 đồng nên còn nợ 122.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hóa đơn điện tử có mã giao dịch: FT22269854042754/BNK do Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 (T5) lập và bà V thừa nhận, có cơ sở xác định ông P đã trả cho bà V số tiền 30.000.000 đồng (từ bút lục 55 đến bút lục 82).

Đối với khoản tiền ông P khai đã trả bằng tiền mặt cho bà V 04 lần mỗi lần 12.000.000 đồng từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023. Tổng cộng 48.000.000 đồng. Về việc này bà Hồng V có nhắn tin trong đoạn tin nhắn với bà Q việc ông P mỗi tháng đưa cho bà 12.000.000 đồng (Vi bằng, trang số 15). Xét thấy, lời khai của ông P cũng thừa nhận thu nhập từ việc lái xe hàng tháng ông đều đưa cho bà V giữ vì thương cảm hoàn cảnh của bà. Cũng không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc đây là khoản tiền ông P trả cho bà V từ khoản vay 200.000.000 đồng. Nên có cơ sở xác định, ông P trả cho bà V số tiền 30.000.000 và còn nợ của bà V số tiền 170.000.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi: Do các đương sự không thỏa thuận lãi và nguyên đơn không có yêu cầu tranh chấp về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang P, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[4] Về án phí:

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Trần Quang P có trách nhiệm trả số tiền 170.000.000 đồng cho bà Phạm Thị Hồng V nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 8.500.000 đồng.

Bà Phạm Thị Hồng V không được chấp nhận số tiền 500.000.000 đồng nên phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 24.000.000 đồng. Nhưng được cản trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2022/0009221 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là 15.400.000 (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Bà Phạm Thị Hồng V còn phải nộp số tiền án phí 8.600.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông Trần Quang P không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông Trần Quang P số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023856 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án Tân Bình.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 474/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản” của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng V: Buộc bị đơn ông Trần Quang P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Hồng V số tiền 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần toàn bộ số tiền ngay khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quang P phải chịu án phí là 8.500.000 đồng.

Bà Phạm Thị Hồng V phải chịu án phí là 24.000.000 đồng. Nhưng được miễn trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0009221 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là 15.400.000 (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Bà Phạm Thị Hồng V còn phải nộp số tiền án phí 8.600.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quang P không phải nộp. Hoàn trả cho ông Trần Quang P số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023856 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Tân Bình
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T21).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Huyền Phương